

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Luật công nghệ cao;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

Căn cứ Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030.

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương (sau đây viết tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Phát triển công nghiệp sinh học phục vụ ngành Công Thương theo chuỗi giá trị, bền vững, tuần hoàn, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao;

nâng cao tiềm lực, hiệu quả nghiên cứu, làm chủ công nghệ sinh học và vai trò của công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến; đổi mới, hiện đại hóa, nâng cấp quy mô công nghệ, thiết bị, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến từ các nguồn nguyên liệu chủ lực của Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi phát triển doanh nghiệp công nghệ sinh học và sản xuất sản phẩm mới, an toàn cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu; khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và lợi thế thương mại để tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng nội địa của sản phẩm, phát triển thị trường ngành công nghệ sinh học, phấn đấu đưa lĩnh vực công nghệ sinh học ngành Công Thương trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật phát triển, góp phần đưa nước ta trở thành trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh về công nghệ sinh học, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á; xây dựng ngành công nghệ sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành Công Thương và GDP cả nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030:

Tiếp tục triển khai thành công Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghệ sinh học ngành Công Thương đến năm 2030.

Đẩy mạnh việc hình thành ít nhất hai (02) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân), trong đó, một (01) trung tâm được hình thành từ Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ vi sinh đặt tại Viện Công nghệ Thực phẩm tại miền Bắc và một (01) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) tại miền Nam để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ phân tích, phục vụ phát triển công nghệ sinh học.

Việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại các doanh nghiệp góp phần cải tiến công nghệ, tiếp nhận công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hoàn thiện mẫu mã sản phẩm hàng hóa; có 50% - 70% các sản phẩm được tạo ra từ Đề án được thương mại hóa trên thị trường; 30% - 50% các sản phẩm là sản phẩm công nghiệp quốc gia; 15% - 20% sản phẩm công nghệ cao “Made in Viet Nam”, sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam, tích hợp thành sản phẩm thương mại tại Việt Nam; có ít nhất 01 vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn cấp huyện tại các tỉnh, thành phố, tiến tới hình thành các cụm ngành sản xuất chuyên môn hóa, đáp ứng tốt các quy định, tiêu chuẩn xuất khẩu.

Xây dựng và ban hành 100% tiêu chuẩn và ít nhất 50% quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nhóm sản phẩm được tạo ra từ Đề án và các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Bước đầu xây dựng cơ sở để công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của Bộ Công Thương; số lượng doanh nghiệp công nghiệp sinh học được hình thành thông qua thực hiện Đề án tăng từ 20 đến 30% , số lượng sản phẩm công nghệ sinh học được tạo ra từ Đề án thay thế ít nhất 20% nhập khẩu so với các sản phẩm cùng loại; tham gia cùng các chương trình, đề án khác của Chính phủ để góp phần đóng góp 7% vào GDP từ công nghiệp sinh học cả nước, bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội.

Phát triển công nghiệp sinh học với nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất, tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

b) Tầm nhìn đến năm 2045:

Tiếp tục triển khai các hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, làm chủ được một số công nghệ sinh học thế hệ mới đối với các lĩnh vực đã triển khai trong giai đoạn đến năm 2030 và các lĩnh vực khác phù hợp với tình hình thực tiễn, định hướng phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học trong khu vực, thế giới của giai đoạn này; tiếp tục tạo ra sản phẩm quy mô công nghiệp ứng dụng thực tiễn sản xuất, cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tiếp tục tập trung đẩy mạnh hình thành ít nhất một (01) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam; nâng cao năng lực và triển khai hoạt động có hiệu quả của các trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp; thông qua đó, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ phân tích, phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

Hỗ trợ từ 80% - 100% các nhà khoa học tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án kết hợp với các doanh nghiệp cải tiến công nghệ, tiếp nhận công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hoàn thiện mẫu mã sản phẩm hàng hóa. Thông qua đó, có ít nhất 50% các sản phẩm được tạo ra từ Đề án được thương mại hóa trên thị trường; ít nhất 30% các sản phẩm là sản phẩm công nghiệp quốc gia; ít nhất 30% sản phẩm công nghệ cao “Made in Viet Nam”, sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam, tích hợp thành sản phẩm thương mại tại Việt Nam; 07 - 10 vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn cấp huyện tại các tỉnh, thành phố, hình thành một số cụm ngành sản xuất chuyên môn hóa, đáp ứng tốt các quy định, tiêu chuẩn xuất khẩu.

Xây dựng và ban hành 90% quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Phát triển thị trường và hình thành thị trường công nghệ sinh học, góp phần đưa nước ta trở thành quốc gia có nền công nghệ sinh học phát triển trên thế giới, trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh về công nghệ sinh học, thuộc nhóm

dẫn đầu khu vực Châu Á. Công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của Bộ Công Thương; doanh nghiệp công nghiệp sinh học được hình thành thông qua Đề án tăng 50% - 70% về quy mô đầu tư và quy mô tăng trưởng, số lượng sản phẩm công nghệ sinh học được tạo ra từ Đề án thay thế ít nhất 60% nhập khẩu so với các sản phẩm cùng loại, góp phần bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội.

II. NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách về phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Công Thương (sửa đổi, bổ sung quy định, thu hút chuyên gia, nhà khoa học để phục vụ phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực Công Thương).

a) Tiếp tục triển khai các hoạt động rà soát, xây dựng, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các quy định để hoàn thiện thể chế, chính sách về phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Công Thương (sửa đổi, bổ sung quy định, thu hút chuyên gia, nhà khoa học để phục vụ phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực Công Thương) theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030; xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản nhóm sản phẩm được tạo ra từ đề án và các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

b) Tham gia xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu phát triển trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ phân tích, phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

2. Phát triển nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng và năng lượng

a) Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ về nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp sinh học ngành Công Thương, trong đó tập trung nghiên cứu hoàn thiện, nâng cấp quy mô các công nghệ đã hình thành trong giai đoạn đến năm 2020; chủ động triển khai nghiên cứu, tiếp nhận, giải mã công nghệ mới từ các nước có nền công nghiệp sinh học tiên tiến trên thế giới để làm chủ, ứng dụng và phát triển các công nghệ sinh học trong lĩnh vực ngành Công Thương ở quy mô công nghiệp, tập trung vào các công nghệ theo chuỗi công nghệ khép kín, sản xuất tuần hoàn đối với từng nhóm nguyên liệu chủ yếu trong nước (các sản phẩm nông sản, thủy sản, tài nguyên biển, đảo, nấm ăn, nấm dược liệu, cây dược liệu, cây chè, thịt, sữa,...) tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong các ngành, lĩnh vực gồm: Công nghiệp nhẹ, năng lượng, công nghiệp nặng khác, thương mại, theo Quyết định số

1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030.

b) Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ nuôi sinh khối lớn probiotic, paraprobiotic, chủng giống phục vụ sản xuất và công nghệ lõi về sấy khô và bảo quản probiotic, chủng giống phục vụ sản xuất để cung ứng các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

c) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, các chế phẩm sinh học trong ngành công nghiệp nặng, dầu khí như làm sạch đường ống dẫn dầu, giảm ma sát mũi khoan dầu khí, làm sạch hệ thống đường ống và bồn tàng trữ xăng dầu, chống ăn mòn, ô nhiễm do xăng dầu, chống cháy nổ, nâng cao hiệu suất thu hồi dầu, khí, khai thác, chế biến quặng nghèo, giảm ô nhiễm thứ cấp.

d) Triển khai các nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống thiết bị đồng bộ, phù hợp với công nghệ tạo ra từ Đề án để chủ động trong việc sản xuất, cung ứng hệ thống thiết bị phục vụ sản xuất trong nước và tiến tới xuất khẩu.

e) Triển khai các nghiên cứu, phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học như công nghệ nano, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chỉnh sửa gen, cải biến vi sinh vật nhằm tăng hoạt chất, thay đổi chất lượng sản phẩm, tạo dòng sản phẩm có đặc trưng riêng theo nhu cầu của doanh nghiệp. Sử dụng công nghệ AI, dữ liệu lớn trong việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm của lĩnh vực công nghệ sinh học. Rà soát, bổ sung cơ sở dữ liệu chủng vi sinh vật và từng bước đưa vào triển khai phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng.

3. Phát triển năng lực nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ, tự động hóa, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực công nghiệp sinh học

a) Tập trung nghiên cứu, sản xuất, phát triển thiết bị, hệ thống, dây chuyền thiết bị hoàn chỉnh hệ thống sản xuất sản phẩm công nghiệp sinh học trong nước thông qua việc nâng cấp và phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của ngành công nghiệp sinh học. Chú trọng nội địa hoá chuỗi cung ứng của ngành công nghiệp sinh học để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và tăng cường tính tự chủ, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp sinh học và vị trí của doanh nghiệp công nghiệp sinh học của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Xanh hóa các ngành công nghiệp, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên và năng lượng trong các ngành công nghiệp.

b) Phát triển công nghiệp sản xuất vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất, chế biến.

c) Ưu tiên nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào được tạo ra từ công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghiệp sinh học mà trong nước

chưa sản xuất được. Chú trọng nhập khẩu từ Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ các công nghệ tiên tiến gắn với việc chuyển giao công nghệ, bí quyết kỹ thuật công nghệ.

4. Đầu tư tăng cường năng lực các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng

a) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ về tăng cường năng lực các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030.

b) Đầu tư chiều sâu, hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ vi sinh đặt tại Viện Công nghiệp Thực phẩm tại miền Bắc để hình thành trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp tại miền Bắc để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ phân tích, phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

c) Đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc xã hội hóa việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho một số đơn vị khoa học và công nghệ, trường đại học thuộc Bộ Công Thương theo hướng đối tác công, tư, nhằm tận dụng năng lực của các doanh nghiệp công nghệ sinh học trong việc đẩy nhanh giá trị sản xuất công nghiệp sinh học.

d) Kết hợp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm phục vụ phát triển công nghiệp sinh học, đồng thời có chức năng kiểm định chất lượng thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đạt tiêu chuẩn quốc tế hoặc chuẩn hóa theo tiêu chuẩn phòng thí nghiệm được công nhận (VILAS) tại các doanh nghiệp từ các nguồn vốn ngoài ngân sách.

5. Xây dựng trung tâm kết nối hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp công nghệ sinh học (ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp)

a) Xây dựng và hình thành ít nhất ba (03) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân), trong đó, một (01) trung tâm được hình thành từ Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ vi sinh đặt tại Viện Công nghiệp Thực phẩm tại miền Bắc, một (01) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) tại miền Trung, một (01) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) tại miền Nam để cung cấp dịch vụ hạ tầng phục vụ nghiên cứu, liên kết nghiên cứu, sản xuất thử, đánh giá công nghệ, sản phẩm, phân tích chất lượng sản phẩm, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, hỗ trợ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

b) Đưa trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) được hình thành từ Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ vi sinh đặt tại Viện Công nghiệp Thực phẩm tại miền Bắc vào hoạt động từ năm 2028; trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) tại miền Trung và miền Nam vào hoạt động từ năm 2030.

6. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Công Thương

a) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tham gia hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực thông qua nguồn kinh phí và nội dung triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án và tranh thủ hợp tác quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp sinh học trong chế biến theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030.

b) Tổ chức quá trình đào tạo gắn chặt với nghiên cứu khoa học và sáng tạo công nghệ, ươm tạo và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, nhất là các nhóm nghiên cứu liên ngành, liên trường.

c) Đa dạng hóa phương thức tham gia hỗ trợ tổ chức đào tạo, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực mới, đồng thời chú trọng đào tạo lại, đào tạo chuyển đổi và nâng cao trình độ, kỹ năng cho lực lượng lao động về công nghiệp sinh học, đáp ứng yêu cầu thay đổi công việc trước những tác động của công nghệ. Đào tạo để đáp ứng nhu cầu thị trường nhân lực trong nước, đồng thời có khả năng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các nước trong khu vực và trên thế giới.

d) Tổ chức và cử cán bộ quản lý các cấp liên quan đến phát triển công nghiệp sinh học tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về công nghiệp sinh học theo các chương trình hỗ trợ đào tạo của các quốc gia tiến tiến trong khu vực và quốc tế về công nghệ cao, công nghiệp sinh học.

e) Tham gia hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng cao trong các ngành công nghiệp sinh học sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển các lĩnh vực công nghệ cao về công nghệ sinh học cần ưu tiên trong từng thời kỳ.

7. Phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp sinh học từ các nguồn nguyên liệu đặc thù vùng, miền

a) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phát triển công nghiệp sinh học tại vùng nguyên liệu tập trung, dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất của người dân khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực miền núi, ven biển, nhằm góp phần phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Sản xuất và xây dựng hệ thống phát triển sản phẩm đặc trưng theo vùng miền gắn với xây dựng vùng nguyên liệu nông sản, thủy, hải sản, dược liệu đặc trưng của các vùng nguyên liệu tập trung, tiết kiệm tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo đảm an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, duy trì cảnh quan nông thôn và bảo vệ môi trường, theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, tiến tới hình thành các cụm ngành sản xuất chuyên môn hóa, đáp ứng tốt các quy định, tiêu chuẩn xuất khẩu.

8. Phát triển thị trường ngành công nghiệp sinh học

a) Mở rộng quy mô phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng thị trường xuất khẩu sản phẩm công nghiệp sinh học gắn liền với việc nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, đổi mới sáng tạo, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, vật liệu và năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính.

b) Hình thành và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp công nghiệp sinh học nội địa, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghiệp quy mô lớn trong các ngành công nghiệp sinh học có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, đóng vai trò dẫn dắt phát triển ngành. Nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp công nghiệp sinh học vừa và nhỏ. Tăng cường kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp lớn, đa quốc gia.

c) Hình thành hệ thống thị trường công nghệ sinh học đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hoá hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân với lộ trình phù hợp. Kiên quyết loại bỏ độc quyền, cạnh tranh không bình đẳng, thiếu minh bạch trong ngành công nghệ sinh học.

d) Tập trung ưu tiên phát triển xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp sinh học có lợi thế cạnh tranh cao từ nhóm sản phẩm được chế biến từ nông, lâm, thủy, hải sản, dược liệu tại vùng nguyên liệu tập trung. Nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, mở rộng thị trường và thương hiệu hàng hóa của Việt Nam. Chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu hướng mạnh vào chế biến sâu, chất lượng cao và các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao. Nâng cao khả năng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội, môi trường và phát thải các bon thấp.

e) Phát triển nhanh, bền vững thị trường nội địa đối với các sản phẩm công nghiệp sinh học, kết nối liền mạch với thị trường xuất nhập khẩu nhằm đảm bảo không gian thị trường cho ngành công nghiệp sinh học sản xuất trong nước và nâng cao nội lực của nền kinh tế trên cơ sở mở rộng tiêu dùng nội địa gắn với phát triển thương hiệu hàng Việt Nam.

g) Tăng cường kết nối hiệu quả giữa sản xuất với thị trường công nghiệp sinh học theo chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo ổn định cung cầu, giá cả hàng hoá và nguồn gốc xuất xứ. Thực hiện nhất quán quản lý chất lượng hàng hoá lưu thông trong nước bằng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với thông lệ quốc tế. Triển khai áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa công nghiệp sinh học trong nước, ưu tiên phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa chế biến nông sản, thủy, hải sản, dược liệu bằng công nghệ sinh học.

h) Triển khai một loạt các hoạt động kết nối thị trường, tổ chức các hội nghị, hội thảo nhằm đẩy mạnh việc kết nối cung cầu, tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp sinh học của các vùng nguyên liệu nông sản, thủy, hải sản, dược liệu đặc trưng của các vùng nguyên liệu tập trung, gắn với các sản phẩm công nghiệp nông thôn, nông nghiệp tiêu biểu, các sản phẩm chủ lực của các địa phương, các đặc sản vùng miền. Xây dựng tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm qua kênh thương mại điện tử mua sắm trực tuyến và giảm sự phụ thuộc vào phương thức bán hàng truyền thống, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm công nghiệp sinh học thông qua các hoạt động văn hóa - du lịch của các địa phương.

9. Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế

a) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về đào tạo, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đầu tư, xúc tiến thương mại, hội chợ, thu hút chuyên gia,...theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương đến năm 2030.

b) Thực hiện hội nhập kinh tế có trọng tâm, trọng điểm theo hướng ưu tiên hợp tác quốc tế chuyển giao công nghệ công nghiệp sinh học hiện đại, công nghệ xanh, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương. Nâng cao khả năng tham gia của Việt Nam vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu về công nghiệp sinh học.

c) Nâng tầm công tác đối ngoại kinh tế đa phương về hợp tác phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương. Chủ động, tích cực tham gia các định chế kinh tế đa phương về hợp tác phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương, góp phần vào quá trình định hình các cấu trúc khu vực và toàn cầu. Tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các khuôn khổ hợp tác quốc tế mà ta là thành viên như WTO, ASEAN, ASEM, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Kông để củng cố và nâng cao vai trò của Việt Nam trong cộng đồng khu vực và quốc tế về công nghiệp sinh học.

d) Tổ chức các đoàn công tác kết nối các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu trong nước với các đối tác liên quan tại các thị trường nước ngoài, nghiên cứu thị trường nước ngoài.

e) Tổ chức các hoạt động mời chuyên gia nước ngoài vào nước hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ lõi, công nghệ mới, giải mã công nghệ, cải tiến công nghệ sản xuất trong nước. Trong mỗi nhiệm vụ triển khai cần có nội dung hợp tác quốc tế để khai thác thế mạnh này.

10. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông về phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực công thương

a) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ về hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông về phát triển công nghệ sinh học

và công nghiệp sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực công thương theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương đến năm 2030.

b) Định kỳ tổ chức các chương trình phối hợp với các địa phương để khảo sát, đánh giá hiện trạng, nhu cầu phát triển, giải quyết các vấn đề thực tiễn và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến của các địa phương. Hàng năm, tổ chức các diễn đàn kết nối các cơ quan quản lý, các nhà khoa học và các doanh nghiệp. Thông qua đó, nắm bắt được nhu cầu của các đơn vị để triển khai nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vào thực tiễn.

c) Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghiệp sinh học Việt Nam ngay sau khi Đề án được phê duyệt.

11. Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước ngành kinh tế kỹ thuật công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương

a) Hình thành bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương thuộc ngành công thương để quản lý nhà nước về công nghiệp sinh học theo đặc thù của các đơn vị, tránh việc hình thành các tổ chức, bộ máy mới tại các địa phương.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương thuộc ngành công thương hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, tiếp nhận kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra và thực hiện sản xuất ra sản phẩm ở quy mô thương mại.

c) Các đơn vị quản lý nhà nước về công nghiệp sinh học ngành công thương thực hiện nhiệm vụ thống kê nhu cầu của doanh nghiệp, kết quả thực hiện phát triển ngành công nghệ sinh học tại địa phương và báo cáo Bộ Công Thương để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thống nhất triển khai thực hiện theo từng năm hoặc từng giai đoạn theo thực tế triển khai.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về hoàn thiện thể chế, chính sách về phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực công thương

a) Tiếp tục triển khai các hoạt động rà soát, đánh giá hiệu quả của các chính sách, quy định hiện nay liên quan đến phát triển công nghiệp sinh học, từ đào tạo nguồn nhân lực, tiếp nhận chuyên gia nước ngoài, cải cách thủ tục hành chính trong triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thủ tục tài chính, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ, sản xuất sản phẩm, cung ứng, lưu thông trên thị trường nội địa và xuất khẩu. Từ đó, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, chính sách cụ thể, phù hợp với mục tiêu phát triển công nghiệp sinh học, thúc đẩy đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, kết quả vào sản xuất cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp

sinh học trong việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm được tạo ra từ công nghệ của Đề án.

b) Xây dựng và ban hành hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sản phẩm được tạo ra từ Đề án và các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

c) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và chủ động ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu phát triển trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ phân tích, phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

d) Trong trường hợp đặc biệt, cần thiết, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định thí điểm mô hình Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp sinh học Việt Nam thuộc quản lý của Bộ Công Thương để quản lý, triển khai các hoạt động liên quan thực hiện quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng trong lĩnh vực công thương, nâng cao sức cạnh tranh của ngành công nghiệp sinh học Việt Nam và nâng cao đời sống nhân dân.

2. Giải pháp về phát triển nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng và năng lượng

a) Tiếp tục triển khai các giải pháp về nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp sinh học ngành công thương theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương đến năm 2030. Tập trung vào hoàn thiện, nâng cấp quy mô các công nghệ, tiếp nhận, giải mã công nghệ mới từ các nước có nền công nghiệp sinh học tiên tiến trên thế giới để làm chủ, ứng dụng và phát triển các công nghệ sinh học trong lĩnh vực ngành công thương ở quy mô công nghiệp, tập trung vào các công nghệ theo chuỗi công nghệ khép kín, sản xuất tuần hoàn.

b) Triển khai các cụm nhiệm vụ kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp sinh học theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, tập trung vào việc đổi mới, hiện đại hóa, nâng cấp quy mô công nghệ, thiết bị, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến.

c) Triển khai các cụm nhiệm vụ về một số lĩnh vực có tiềm năng phát triển cao về công nghệ nuôi sinh khối lớn probiotic, paraprobiotic và công nghệ lõi về sấy khô và bảo quản probiotic để cung ứng các sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, các chế phẩm sinh học trong ngành công nghiệp nặng, dầu khí, năng lượng, công nghệ AI, dữ liệu lớn trong việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm của lĩnh vực công nghệ sinh học.

d) Triển khai các nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng và ban hành hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sản phẩm được tạo ra

từ Đề án và các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và thúc đẩy phát triển thị trường công nghiệp sinh học tại Việt Nam.

3. Giải pháp về phát triển năng lực nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ, tự động hóa, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực công nghiệp sinh học.

a) Triển khai các nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống thiết bị đồng bộ, phù hợp với công nghệ tạo ra từ Đề án để chủ động trong việc sản xuất, cung ứng hệ thống thiết bị phục vụ sản xuất trong nước và tiến tới xuất khẩu.

b) Tiếp nhận, giải mã thiết bị, hệ thống thiết bị đồng bộ từ các nước có nền công nghiệp sản xuất thiết bị tiên tiến để nghiên cứu, thiết kế, chế tạo trong nước thay thế nhập khẩu, cung ứng cho nghiên cứu, sản xuất thuộc lĩnh vực công nghiệp sinh học tại Việt Nam.

4. Giải pháp về đầu tư tăng cường năng lực các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng

a) Tiếp tục triển khai các giải pháp về hoạt động tăng cường năng lực các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng; đầu tư phát triển có trọng tâm, trọng điểm một số phòng thí nghiệm công nghệ sinh học thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học theo vùng; xây dựng mô hình liên kết các phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương đến năm 2030.

b) Đầu tư chiều sâu, hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ vi sinh đặt tại Viện Công nghiệp Thực phẩm tại miền Bắc để hình thành trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp tại miền Bắc, nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao khả năng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ phân tích, phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

c) Triển khai đầu tư từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho một số đơn vị khoa học và công nghệ, trường đại học thuộc Bộ Công Thương theo hướng đối tác công, tư, nhằm tận dụng năng lực của các doanh nghiệp công nghệ sinh học trong việc phục vụ phát triển công nghiệp sinh học; đồng thời có chức năng kiểm định chất lượng thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đạt tiêu chuẩn quốc tế hoặc chuẩn hóa theo tiêu chuẩn phòng thí nghiệm được công nhận (VILAS) tại các doanh nghiệp từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhằm đẩy nhanh giá trị sản xuất công nghiệp sinh học.

5. Giải pháp về xây dựng trung tâm kết nối hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp công nghệ sinh học

a) Triển khai các hoạt động để xây dựng và hình thành ít nhất ba (03) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân), trong đó, 01 trung tâm được hình thành từ Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ vi sinh đặt tại Viện Công nghiệp Thực phẩm tại miền Bắc, một (01) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) tại miền Trung, một (01) trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp (công lập, tư nhân) tại miền Nam để cung cấp dịch vụ hạ tầng để phục vụ nghiên cứu, liên kết nghiên cứu, sản xuất thử, đánh giá công nghệ, sản phẩm, phân tích chất lượng sản phẩm, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, hỗ trợ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp, phục vụ phát triển công nghệ sinh học.

b) Triển khai các hoạt động thúc đẩy hình thành các trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân tại các miền để hình thành mạng lưới các trung tâm, đơn vị kết nối hỗ trợ doanh nghiệp trong cả nước nhằm thực hiện có hiệu quả theo nhu cầu phát triển công nghệ sinh học tại các địa phương trong cả nước.

6. Giải pháp về đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực Công Thương

a) Tiếp tục triển khai các hoạt động liên kết, phối hợp với các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu nhằm đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành công nghệ sinh học theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nghề, đào tạo kết hợp với tiếp nhận công nghệ nước ngoài, chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trình độ cao đối với các cán bộ tham gia thực hiện các nội dung của Đề án thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn, tập huấn trong nước và quốc tế phù hợp với tình hình và nhu cầu phát triển thực tế về công nghệ sinh học theo từng giai đoạn.

b) Triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo gắn chặt với nghiên cứu khoa học và sáng tạo công nghệ, ươm tạo và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, nhất là các nhóm nghiên cứu liên ngành, liên trường.

c) Tổ chức triển khai các phương thức tham gia hỗ trợ tổ chức đào tạo, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực mới đồng thời chú trọng đào tạo lại, đào tạo chuyên đổi và nâng cao trình độ, kỹ năng cho lực lượng lao động về công nghệ sinh học, đáp ứng yêu cầu thay đổi công việc trước những tác động của công nghệ theo nhu cầu thực tiễn. Đào tạo để đáp ứng nhu cầu thị trường nhân lực trong nước, đồng thời có khả năng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các nước trong khu vực và trên thế giới.

d) Triển khai các hoạt động đào tạo cán bộ quản lý các cấp từ trung ương đến địa phương liên quan đến phát triển công nghệ sinh học tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về công nghệ sinh học theo các chương trình hỗ trợ đào tạo

của các quốc gia tiến tiến trong khu vực và quốc tế về công nghệ cao, công nghiệp sinh học.

e) Triển khai hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng cao trong các ngành công nghiệp sinh học thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các chương trình đào tạo trong nước, liên kết với các tổ chức trong khu vực và quốc tế để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển các lĩnh vực công nghệ cao về công nghệ sinh học cần ưu tiên trong từng thời kỳ.

d) Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp tổ chức đào tạo nguồn nhân lực tham gia về công nghiệp sinh học theo nhu cầu thực tiễn từng giai đoạn. Đặc biệt, các trường đại học, cao đẳng của Bộ Công Thương chủ động, tích cực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, sản xuất trong nước để thực hiện Đề án đạt hiệu quả.

7. Giải pháp về phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp sinh học từ các nguồn nguyên liệu đặc thù vùng, miền

a) Triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng chuyển giao công nghệ để phát triển công nghiệp sinh học; hình thành doanh nghiệp công nghiệp sinh học trong các cụm công nghiệp theo chương trình chung về tái cơ cấu của Bộ Công Thương phù hợp với từng vùng nguyên liệu tập trung, dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất của người dân khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực miền núi, ven biển, nhằm góp phần phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Triển khai và tổ chức các hoạt động, kinh phí hỗ trợ phát triển sản phẩm đặc trưng theo từng vùng miền gắn với xây dựng vùng nguyên liệu nông sản, thủy, hải sản, dược liệu đặc trưng của các vùng nguyên liệu tập trung, tiết kiệm tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo đảm an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, duy trì cảnh quan nông thôn và bảo vệ môi trường, theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, tiến tới hình thành các cụm ngành sản xuất chuyên môn hóa, đáp ứng tốt các quy định, tiêu chuẩn xuất khẩu.

c) Các trung tâm, đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp tại các các vùng, miền triển khai các hoạt động tích cực, có hiệu quả vào việc chuyển giao công nghệ, cải tiến, hoàn thiện công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ, sản phẩm và sản xuất, kinh doanh tại thị trường trong nước và xúc tiến thương mại để xuất khẩu.

8. Giải pháp về phát triển thị trường ngành công nghiệp sinh học

a) Giải pháp về phát triển thị trường ngành công nghiệp sinh học nội địa

Triển khai xúc tiến thương mại các sản phẩm công nghiệp sinh học được sản xuất trong nước để xuất khẩu, bảo hộ sản phẩm nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng thị trường xuất khẩu sản phẩm công nghiệp sinh học gắn liền với việc nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, đổi mới sáng tạo, đảm bảo sử dụng tiết

kiệm và hiệu quả nguyên, vật liệu và năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính.

Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm được tạo ra từ Đề án, từ các doanh nghiệp công nghiệp sinh học nội địa, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghiệp quy mô lớn trong các ngành công nghiệp sinh học có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, đóng vai trò dẫn dắt phát triển ngành. Nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp công nghiệp sinh học vừa và nhỏ. Tăng cường kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp lớn, đa quốc gia.

Triển khai các hoạt động để hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp sinh học có lợi thế cạnh tranh cao từ nhóm sản phẩm được chế biến từ nông, lâm, thủy, hải sản, dược liệu tại vùng nguyên liệu tập trung. Nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, mở rộng thị trường và thương hiệu hàng hóa của Việt Nam. Chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu hướng mạnh vào chế biến sâu, chất lượng cao và các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao. Nâng cao khả năng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội, môi trường, phát thải các bon thấp và lao động.

b) Giải pháp về phát triển thị trường ngành công nghiệp sinh học tiến tới xuất khẩu

Triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển hệ thống thị trường công nghệ sinh học đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hoá hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân với lộ trình phù hợp. Kiên quyết loại bỏ độc quyền, cạnh tranh không bình đẳng, thiếu minh bạch trong ngành công nghệ sinh học.

Triển khai có hệ thống, đồng bộ việc phát triển nhanh, bền vững thị trường nội địa đối với các sản phẩm công nghiệp sinh học, kết nối liền mạch với thị trường xuất nhập khẩu nhằm đảm bảo không gian thị trường cho ngành công nghiệp sinh học sản xuất trong nước và nâng cao nội lực của nền kinh tế trên cơ sở mở rộng tiêu dùng nội địa gắn với phát triển thương hiệu hàng Việt Nam.

Thực hiện có hiệu quả việc kết nối hiệu quả giữa sản xuất với thị trường công nghiệp sinh học theo chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo ổn định cung cầu, giá cả hàng hoá và nguồn gốc xuất xứ. Thực hiện nhất quán quản lý chất lượng hàng hoá lưu thông trong nước bằng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với thông lệ quốc tế. Triển khai áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa công nghiệp sinh học trong nước, ưu tiên phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa chế biến nông sản, thủy, hải sản, dược liệu bằng công nghệ sinh học.

Định kỳ hàng năm tổ chức các hoạt động kết nối thị trường, tổ chức các hội nghị, hội thảo nhằm đẩy mạnh việc kết nối cung cầu, tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp sinh học của các vùng nguyên liệu nông sản, thủy, hải sản, dược liệu đặc trưng của các vùng nguyên liệu tập trung, gắn với các sản phẩm công nghiệp nông thôn, nông nghiệp tiêu biểu, các sản phẩm chủ lực của các địa phương, các đặc sản vùng miền. Xây dựng tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm qua kênh thương mại điện tử mua sắm trực tuyến và giảm sự phụ thuộc vào phương thức bán hàng truyền thống, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm công nghiệp sinh học thông qua các hoạt động văn hóa - du lịch của các địa phương.

9. Giải pháp về triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế

a) Tiếp tục triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ, tiếp nhận công nghệ, chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, liên kết giữa các công ty đa quốc gia, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp, đơn vị nghiên cứu trong nước, đầu tư, xúc tiến thương mại, hội chợ, thu hút chuyên gia,... theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương đến năm 2030.

b) Triển khai thực hiện các hoạt động về hội nhập kinh tế có trọng tâm, trọng điểm theo hướng ưu tiên hợp tác quốc tế chuyển giao công nghệ công nghiệp sinh học hiện đại, công nghệ xanh, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương. Nâng cao khả năng tham gia của Việt Nam vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu về công nghiệp sinh học.

c) Triển khai các hoạt động song phương, đa phương để thực hiện có hiệu quả công tác đối ngoại kinh tế đa phương về hợp tác phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương. Các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp chủ động, tích cực tham gia các định chế kinh tế đa phương về hợp tác phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương, góp phần vào quá trình định hình các cấu trúc khu vực và toàn cầu. Tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các khuôn khổ hợp tác quốc tế mà ta là thành viên như WTO, ASEAN, ASEM, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Kông để củng cố và nâng cao vai trò của Việt Nam trong cộng đồng khu vực và quốc tế về công nghiệp sinh học.

d) Hàng năm tổ chức, triển khai các đoàn công tác kết nối các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu trong nước với các đối tác liên quan tại các thị trường nước ngoài, nghiên cứu thị trường nước ngoài.

e) Triển khai có hiệu quả việc thu hút chuyên gia nước ngoài vào nước hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ lõi, công nghệ mới, giải mã công nghệ, cải tiến công nghệ sản xuất trong nước. Trong mỗi nhiệm vụ triển khai cần có nội dung hợp tác quốc tế để khai thác thế mạnh này.

10. Giải pháp về hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông về phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực công thương

a) Hoàn thiện trang thông tin điện tử về phát triển công nghiệp sinh học Việt Nam. Tổ chức và duy trì hoạt động hàng năm để đăng tải thông tin, truyền thông về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, phát triển và hợp tác trong nước, quốc tế về công nghiệp sinh học và các nội dung, thông tin khác liên quan.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa riêng cho việc nghiên cứu công nghệ, ứng dụng công nghệ, sản phẩm, phát triển, sản xuất, kinh doanh sản phẩm về công nghệ sinh học và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghiệp sinh học Việt Nam ngay sau khi Đề án được phê duyệt.

c) Hàng năm, triển khai các chương trình hội nghị, hội thảo, hội chợ kỹ thuật, sản phẩm, các diễn đàn trong nước từ trung ương đến địa để khảo sát, đánh giá hiện trạng, nhu cầu phát triển, giải quyết các vấn đề thực tiễn và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến của các địa phương, kết nối các cơ quan quản lý, các nhà khoa học và các doanh nghiệp để triển khai nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, xúc tiến thương mại sản phẩm công nghiệp sinh học.

11. Giải pháp về xây dựng hệ thống quản lý nhà nước ngành kinh tế kỹ thuật công nghiệp sinh học lĩnh vực Công thương

a) Tổ chức hệ thống công chức, viên chức trong bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương thuộc ngành công thương để quản lý nhà nước về công nghiệp sinh học theo đặc thù của các đơn vị, tránh việc hình thành các tổ chức, bộ máy mới tại các địa phương.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương thuộc ngành công thương triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, tiếp nhận kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra và thực hiện sản xuất ra sản phẩm ở qui mô thương mại.

c) Hàng năm, hoặc từng giai đoạn theo thực tế triển khai, các đơn vị quản lý nhà nước về công nghiệp sinh học ngành công thương triển khai nhiệm vụ thống kê nhu cầu của doanh nghiệp, kết quả thực hiện phát triển ngành công nghệ sinh học tại địa phương và báo cáo Bộ Công Thương để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thống nhất triển khai thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

a) Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm: Ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp

pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

b) Vốn ngân sách nhà nước thực hiện Đề án được chi cho công tác nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, thông tin, truyền thông, hợp tác quốc tế; hỗ trợ đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm hiện có về công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp khác thực hiện Đề án.

c) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi Đề án được giao cho các địa phương chủ trì, trong đó chủ yếu bao gồm: Kinh phí đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo trực thuộc, trong đó có kinh phí đầu tư mới hoặc nâng cấp các phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy; kinh phí cho xây dựng học liệu và tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ của địa phương.

2. Cơ chế sử dụng vốn NSNN thực hiện Đề án

a) Nguồn vốn đầu tư ngân sách trung ương bao gồm vốn đầu tư công và vốn chi thường xuyên được phân bổ tới các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan để tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án theo quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

b) Các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

c) Ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí để triển khai Đề án từ nguồn vốn chi thường xuyên, nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương hàng năm, nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã hoàn thành thủ tục theo quy định thì được ưu tiên bố trí từ các nguồn vốn nêu trên trong năm 2025. Các chương trình, nhiệm vụ, dự án còn lại được tổng hợp và bố trí từ các nguồn vốn nêu trên trong các giai đoạn 2026 - 2030 và 2031 - 2045.

d) Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án, các bộ, ngành, địa phương có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án và tổng hợp chung vào dự toán của bộ, ngành, địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

e) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ưu tiên bố trí kinh phí giao các bộ, ngành liên quan để thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án.

3. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Việc lập dự toán, kế hoạch ngân sách hàng năm được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và được bố trí vào dự toán, kế hoạch ngân sách trung hạn, hàng năm của Bộ Công Thương.

b) Kinh phí thực hiện Đề án được quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý vốn đầu tư phát triển, vốn đào tạo và vốn sự nghiệp khoa học công nghệ; quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

c) Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, việc lập dự toán được thực hiện theo các quy định pháp luật đối với từng nguồn vốn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công Thương

a) Ban Điều hành và Tổ giúp việc Ban Điều hành Đề án được thành lập theo Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương đến năm 2030 tiếp tục triển khai các hoạt động về phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế kỹ thuật lĩnh vực công thương thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 và đề án tại quyết định này. Ban Điều hành và Tổ giúp việc Ban Điều hành Đề án điều chỉnh và được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi có sự thay đổi theo thực tế triển khai hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án; điều phối, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

c) Xây dựng kế hoạch triển khai, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và địa phương triển khai thực hiện và tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá; hàng năm định kỳ báo cáo Ban điều hành Đề án và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án khi cần thiết.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan rà soát, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, biện pháp hỗ trợ thực hiện Đề án.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đầu tư, phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế, kinh tế tuần hoàn, trong đó có các doanh nghiệp công nghiệp sinh học tại các cụm công nghiệp theo chương trình chung về tái cơ cấu của Bộ Công Thương.

b) Chủ trì, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ ngân sách nhà nước cho các bộ, ngành, trung ương để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan thực hiện Đề án. Đặc biệt là nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với hoạt động xây dựng, đầu tư phát triển các trung tâm, đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp hình thành từ Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ vi sinh đặt tại Viện Công nghiệp Thực phẩm tại miền Bắc và các vùng miền theo mục tiêu đặt ra của Đề án.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương bố trí, huy động nguồn vốn đầu tư cho việc thực hiện Đề án.

3. Bộ Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án thuộc phạm vi chi từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án.

c) Phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan rà soát, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, biện pháp hỗ trợ thực hiện Đề án. Đặc biệt là thủ tục tài chính, thanh lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, xử lý tài sản hình thành thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp sinh học ngành Công Thương, xây dựng kế hoạch và hoạt động của các trung tâm, đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp hình thành từ Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ vi sinh đặt tại Viện Công nghiệp Thực phẩm tại miền Bắc và các vùng miền theo mục tiêu đặt ra của Đề án; đầu tư phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học, tăng cường tiềm lực về cơ sở vật chất, kỹ thuật, máy móc, thiết bị cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo do Bộ Công Thương quản lý.

b) Tổng hợp, trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ theo quy định.

c) Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với việc hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu công nghệ sinh học hiện đại trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghiệp sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến; hỗ trợ chuyển giao, nhập khẩu công nghệ và bí quyết công nghệ, phát triển thị trường công nghệ tiên tiến từ nước ngoài và các quy định tuyển chọn, quản lý và nghiệm thu, xử lý tài sản, sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan đến trong lĩnh vực công nghiệp sinh học ngành Công Thương.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Bộ Công Thương hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc phát triển nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến thủy, hải sản, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm, sản xuất sản phẩm sau thu hoạch quy mô công nghiệp, công nghệ khác liên quan thuộc Đề án.

6. Bộ Y tế

Phối hợp với Bộ Công Thương hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc phát triển nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến các hoạt chất thiên nhiên, nguyên liệu hóa dược phục vụ sản xuất thực phẩm; sản phẩm công nghiệp sinh học quy mô công nghiệp, công nghệ khác liên quan thuộc Đề án.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học ở trong nước và nước ngoài.

8. Các bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Công Thương trong quá trình hỗ trợ các đơn vị trực thuộc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ nội dung Đề án, cụ thể hóa thành Chương trình, Kế hoạch giai đoạn của Đề án để chủ động triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp sinh học; hỗ trợ xây dựng và phát triển các nghiên cứu, ứng dụng và phát triển doanh nghiệp công nghiệp sinh học, các cụm công nghiệp tập trung về công nghiệp sinh học phù hợp điều kiện của từng địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Công Thương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

Phạm Minh Chính

- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN.